

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 7 - 2022
V/v: Tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua - Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ.
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc “*Tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2009, giữa nguyên

đơn với bị đơn anh Nguyễn Văn C được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc cho đến tháng 03/2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị T với anh C có 02 con chung gồm: cháu Nguyễn Nhật H sinh ngày 16/10/2009 và cháu Nguyễn Nhật Duy K sinh ngày 11/8/2011, hiện nay các cháu đang sống chung với anh C, khi ly hôn chị T thống nhất giao cả hai con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 08/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Giữa anh C với chị Nguyễn Thị T được hai bên gia đình chức đám cưới và có đăng ký kết hôn; khoảng 04 năm trước, khi chị T đi làm ở Công ty thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; cho đến ngày 16/02/2021 thì anh chị ly thân cho đến nay. Anh C còn thương chị T nên anh C không đồng ý ly hôn. Anh chị có hai con chung như chị T trình bày là đúng, hiện nay cả hai con chung do anh C đang nuôi dưỡng, khi ly hôn anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có, cũng không có cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản ngày 08/6/2022 (BL 20, 21) các cháu: Nguyễn Nhật H và Nguyễn Nhật Duy K trình bày: Các cháu là con bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn C; cha mẹ ly hôn cháu H và cháu K đều có nguyện vọng được sống với cha (anh Nguyễn Văn C).

Các tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân; cả hai con chung hiện nay do anh C đang nuôi dưỡng, chị T đồng ý giao cả hai con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có.

Tình tiết, sự kiện các bên không thống nhất: Chị T yêu cầu được ly hôn, anh C không đồng ý với lý do còn thương chị T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T với anh C được ly hôn; về con chung, tiếp tục giao cả hai con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Án phí: đương sự phải nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn C, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có; do bị đơn có địa chỉ cư trú tại Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2009, giữa chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn C xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm: 2000 và 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thời điểm chị T với anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh H, thì anh chị đã đủ điều kiện về đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm; theo biên bản xác minh ngày 02/5/2022, được chính quyền địa phương cung cấp: anh C với chị T có hai con chung, không tranh chấp về tài sản và nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ. Về phía anh C không đồng ý ly hôn với lý do còn thương chị T. Tuy nhiên, từ khi anh chị ly thân cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; như vậy, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị T với anh C có 02 con chung gồm: cháu Nguyễn Nhật H sinh ngày 16/10/2009 và cháu Nguyễn Nhật Duy K sinh ngày 11/8/2011. Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H. Cháu H và cháu K (trên 07 tuổi), theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 08/6/2022 thể hiện: cháu H và cháu K đều có nguyện vọng sống với anh C, tại phiên tòa chị T tự nguyện giao cả hai con chung cho anh C nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên toà, anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án tiếp tục giao cháu H và cháu K cho anh C nuôi dưỡng, là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh C chưa có yêu cầu chị T cấp dưỡng, đây là quyền tự định đoạt của đương sự; sau khi ly hôn nếu việc nuôi dưỡng con chung của anh C gặp khó khăn, anh C có quyền yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị T và anh C khẳng định giữa anh chị không có tài sản chung và nợ chung, cũng không có cho ai vay nợ nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị T là nguyên đơn trong vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị T phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[8] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, và các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Văn C được ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao các cháu Nguyễn Nhật H sinh ngày 16/10/2009 và Nguyễn Nhật Duy K sinh ngày 11/8/2011, cho anh Nguyễn Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T chưa phải cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không đề cập đến.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002782, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị T đã nộp xong.

5. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng